

Thực trạng nghiên cứu khoa học của học sinh các trường trung học cơ sở thành phố Tây Ninh

Lê Thị Hương

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi
Số 30, ấp Tân Trung, xã Tân Bình,
thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Email: lehuong5475@gmail.com

TÓM TẮT: Nghiên cứu khoa học của học sinh là hoạt động quan trọng trong trường trung học cơ sở. Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng nghiên cứu khoa học của học sinh ở các trường trung học cơ sở thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Mẫu khảo sát gồm 253 cán bộ quản lí, giáo viên và 906 học sinh trung học cơ sở. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn cán bộ quản lí, giáo viên đã nhận thức được vai trò của hoạt động này. Tuy nhiên, vẫn còn không ít học sinh chưa nhận thức đầy đủ về các ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu khoa học. Hình thức nghiên cứu khoa học được đánh giá tổ chức nhiều là “Phát động cuộc thi Khoa học, kĩ thuật của học sinh trung học” và “Tổ chức cho học sinh thực hiện các thí nghiệm/thực nghiệm về vấn đề quan tâm trong các môn học”. Hình thức nghiên cứu khoa học thu hút được hứng thú của học sinh nhiều nhất là “Tổ chức cho học sinh thực hiện các thí nghiệm/ thực nghiệm về vấn đề quan tâm trong các môn học”. Kết quả nghiên cứu khoa học của học sinh trung học cơ sở dù đã đạt được những thành tích nhất định, song vẫn chưa xứng tầm với quy mô phát triển giáo dục trung học cơ sở của thành phố Tây Ninh. Nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế trong hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh trung học cơ sở là: “Nhà trường chưa tạo được động lực cho giáo viên hướng dẫn và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học”, “Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, kĩ thuật của học sinh trong nhà trường còn thiếu thốn, chưa đồng bộ”, “Năng lực nghiên cứu khoa học của học sinh còn hạn chế”. Thực trạng này là cơ sở để các trường trung học cơ sở thành phố Tây Ninh đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học của học sinh.

TỪ KHÓA: Học sinh trung học cơ sở; nghiên cứu khoa học; thành phố Tây Ninh.

→ Nhận bài 14/9/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 02/10/2020 → Duyệt đăng 25/12/2020.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là hoạt động phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới, hoặc là sáng tạo phương pháp mới và kĩ thuật mới để làm biến đổi sự vật phục vụ cho mục tiêu hoạt động của con người [1], giúp nâng cao sự hiểu biết của con người về những vấn đề cụ thể mà thực tiễn đòi hỏi cần phải được giải quyết [2]. Trong nhà trường phổ thông nói chung, trung học cơ sở (THCS) nói riêng, NCKH là hoạt động quan trọng [3]. Hoạt động NCKH có ý nghĩa lớn đối với học sinh (HS) THCS: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống; nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu của HS; khơi dậy tiềm năng và phát huy tư duy sáng tạo, phát triển năng lực của HS; từ đó thắp lên ngọn lửa đam mê nghiên cứu cho HS [4]. Hoạt động NCKH của HS THCS có những đặc điểm cơ bản như: Đối tượng hoạt động NCKH của HS THCS là những tình huống và những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn có mối quan hệ gần gũi với kiến thức phổ thông mà các em đã được học; nội dung nghiên cứu không tập trung vào vấn đề quá to tát như

đề tài của các nhà khoa học mà đi vào chi tiết đối tượng nhưng vẫn thể hiện được sự sáng tạo; thiết kế nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu còn khá đơn giản...

Xuất phát từ tầm quan trọng trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và Trung ương Đoàn đã tổ chức nhiều cuộc thi nhằm đẩy mạnh việc NCKH của HS như: Cuộc thi khoa học, kĩ thuật dành cho HS phổ thông - Intel ICEF [5], cuộc thi sáng tạo Thanh Thiếu niên, Nhi đồng [6], cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn giải quyết các vấn đề thực tiễn [7],... Đặc biệt, cuộc thi khoa học, kĩ thuật đã thu hút được sự quan tâm đông đảo của các bậc phụ huynh, các nhà khoa học tham gia giúp đỡ về khoa học, định hướng phương pháp nghiên cứu, tạo động lực mạnh mẽ cho các em HS học tập, nghiên cứu. Cuộc thi này đã được Bộ GD&ĐT tổ chức từ năm học 2012 - 2013. Sở GD&ĐT tỉnh Tây Ninh bắt đầu tổ chức từ năm học 2013 - 2014 đến nay (7 lần), Phòng GD&ĐT thành phố Tây Ninh là đơn vị duy nhất trong tỉnh tổ chức cuộc thi cấp huyện, cuộc thi này thu hút được sự quan tâm, tham gia của các trường THCS trong thành phố. Nhìn chung, hoạt động NCKH của HS từng bước được chuyên

biến và đã đi vào nề nếp, quy củ; tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những hạn chế và bất cập. Để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của HS THCS thành phố Tây Ninh, cần có những khảo sát thực trạng về hoạt động này để làm cơ sở đề xuất các biện pháp. Từ những vấn đề được trình bày ở trên, nghiên cứu “Thực trạng hoạt động NCKH của HS ở các trường THCS thành phố Tây Ninh” đã được tiến hành.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi làm phương pháp chủ đạo. Bảng hỏi nhằm đánh giá các nội dung sau: 1/ Nhận thức về vai trò của hoạt động NCKH của HS (thang đo: Hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý); 2/ Mức độ tổ chức các hình thức NCKH của HS (thang đo: Không bao giờ đến rất thường xuyên); 3/ Mức độ hứng thú với các hình thức NCKH của HS (thang đo: Không hứng thú đến rất hứng thú); 4/ Kỹ năng NCKH của HS (thang đo: Kém đến Tốt); 5/ Nguyên nhân dẫn đến hoạt động NCKH của HS chưa đạt hiệu quả cao (thang đo: Hoàn toàn không đồng ý đến Hoàn toàn đồng ý). Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn và thu thập dữ liệu thứ cấp từ báo cáo kết quả NCKH của HS THCS do Sở GD&ĐT cung cấp.

Nghiên cứu tiến hành khảo sát trên 253 cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) và 906 HS THCS thành phố Tây Ninh. Trong đó, tỉ lệ giới tính nữ của nhóm CBQL, GV nữ là 77.9%, nam là 22.1%. Ở nhóm mẫu HS, tỉ lệ nữ là 52.9% và tỉ lệ nam là 47.1%. Kết quả khảo sát từ bảng hỏi được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 22.0 với các đại lượng thống kê mô tả như: Tần suất, phần trăm, điểm trung bình, độ lệch chuẩn. Kết quả phỏng vấn được phân tích với phương pháp phân tích nội dung thông qua việc tổng hợp các nội dung chính của từng ca phỏng vấn.

Bảng 2: Đánh giá của CBQL, GV và HS về vai trò của hoạt động NCKH của HS

STT	Vai trò	CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Giúp HS vận dụng kiến thức trong sách vở vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống, làm quen sớm với NCKH.	3.94	1.00	3.22	1.66
2	Tạo cho HS tự tin, tìm tòi và sáng tạo.	4.06	0.96	3.49	1.57
3	Giúp HS mở rộng, phát triển tri thức đã học.	4.07	0.99	3.60	1.59
4	Giúp HS hình thành phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu.	4.04	1.00	3.58	1.50
5	Giúp HS rèn luyện cách làm việc tự lực, làm việc nhóm, tính tích cực, chủ động, hứng thú trong học tập và sinh hoạt.	4.11	0.93	3.37	1.66
6	Giúp HS có một sân chơi trí tuệ bổ ích, tạo cơ hội tốt để các em có những trải nghiệm thú vị và được trình bày ý tưởng sáng tạo của mình.	4.06	0.97	3.35	1.65

(Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn)

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Nhận thức về vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh

NCKH là một hoạt động khá mới mẻ của HS THCS trong những năm gần đây. Sự thành công của hoạt động này phụ thuộc lớn vào nhận thức của đội ngũ CBQL, GV và HS về vai trò của hoạt động NCKH. Nghiên cứu đã tìm hiểu vấn đề này và kết quả được trình bày ở Bảng 1 và Bảng 2.

Bảng 1: Đánh giá của CBQL, GV và HS về tầm quan trọng của hoạt động NCKH của HS

STT	Mức độ quan trọng	CBQL, GV		HS	
		SL	%	SL	%
1	Hoàn toàn không quan trọng	2	0.8	9	1.0
2	Không quan trọng	14	5.5	10	1.1
3	Bình thường	44	17.4	172	19.0
4	Quan trọng	162	64.0	430	47.5
5	Rất quan trọng	31	12.3	285	31.5
Tổng		253	100.0	906	100.0

(Ghi chú: SL: Số lượng; %: Phần trăm)

Dữ liệu ở Bảng 1 cho thấy, phần lớn CBQL, GV và HS đánh giá hoạt động NCKH của HS ở mức “quan trọng” và “rất quan trọng”. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn hơn 20% CBQL, GV và HS cho rằng, hoạt động này đóng vai trò “bình thường”, “không quan trọng” và “hoàn toàn không quan trọng”. Như vậy, vẫn còn khá đồng điệu tượng khảo sát chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của hoạt động này. Một số GV, HS chia sẻ rằng: Hoạt động chính của HS vẫn là học tập, vì vậy, HS cần tập trung vào hoạt động này; còn NCKH là hoạt động thứ yếu.

Nhận thức của CBQL, GV và HS còn thể hiện ở việc đánh giá về các vai trò của hoạt động NCKH ở Bảng 2. Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung các đối tượng khảo sát đánh giá khá cao các vai trò của hoạt động NCKH của HS, đặc biệt là đối tượng CBQL, GV. Các CBQL, GV chủ yếu lựa chọn phương án “phần lớn đồng ý” ở các nhận định. Vai trò nhận được sự đồng ý cao nhất của CBQL, GV là “Giúp HS rèn luyện cách làm việc tự lực, làm việc nhóm, tính tích cực, chủ động, hứng thú trong học tập và sinh hoạt”. Các đề tài, dự án NCKH của HS thường được tiến hành bởi một nhóm HS. Nhóm HS sẽ lên kế hoạch, phân chia công việc, hỗ trợ lẫn nhau. Thông qua đó, HS phát huy được tính tự lực, tự cường, cũng như khơi gợi, nuôi dưỡng sự hứng thú trong tìm tòi, khám phá kiến thức.

Các CBQL, GV cũng đánh giá cao các vai trò: “Giúp HS mở rộng, phát triển tri thức đã học”, “Tạo cho HS tự tin, tìm tòi và sáng tạo”, “Giúp HS hình thành phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu”, “Giúp HS có một sân chơi trí tuệ bổ ích, tạo cơ hội tốt để các em có những trải nghiệm thú vị và được trình bày ý tưởng sáng tạo của mình”, “Giúp HS vận dụng kiến thức trong sách vở vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống, làm quen sớm với NCKH”.

Dữ liệu ở Bảng 2 cho thấy, dù HS cũng đánh giá khá cao các vai trò, tuy nhiên, so với CBQL, GV, sự nhận thức còn hạn chế nhất định. Nhiều HS vẫn chưa nhận thấy được các vai trò quan trọng như: “Giúp HS vận dụng kiến thức trong sách vở vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống, làm quen sớm với NCKH”, “Giúp HS có một sân chơi trí tuệ bổ ích, tạo cơ hội tốt để các em có những trải nghiệm thú vị và được trình bày ý tưởng sáng tạo của mình”, “Giúp HS rèn luyện cách làm việc tự lực, làm việc nhóm, tính tích cực, chủ động, hứng thú trong học tập và sinh hoạt”.

Sự phân tích dữ liệu khảo sát cho thấy rằng, khá nhiều đối tượng khảo sát chưa nhận thức rõ về vai trò của hoạt động NCKH của HS. Chính vì vậy, việc thực hiện những biện pháp nhằm nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, đặc biệt là HS về ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu này là hết sức cần thiết.

2.2.2. Các hình thức nghiên cứu khoa học của học sinh

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, các hình thức NCKH được tổ chức cho HS THCS khá đa dạng, từ các hình thức được tổ chức chính thức như “*Phát động cuộc khi khoa học, kĩ thuật của HS trung học*”, “*Phát động cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên*” đến các hình thức được tổ chức như là một nhiệm vụ trong môn học như “*Tổ chức cho HS thực hiện các khảo sát nhỏ về vấn đề quan tâm trong các môn học*”, “*Tổ chức cho HS thực hiện các thí nghiệm/ thực nghiệm về vấn đề quan tâm trong các môn học*”.

Theo ý kiến của CBQL, GV, hình thức được tổ chức nhiều nhất là “*Phát động cuộc khi khoa học, kĩ thuật của HS trung học*”. Từ năm 2012 đến giờ, Bộ GD&ĐT đều phát động cuộc thi Khoa học, kĩ thuật cho HS trung học. Sau khi nhận được thông báo phát động cuộc thi của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT các tỉnh sẽ ra thông báo phát động cuộc thi. Theo đó, các trường sẽ tiến hành các bước: Tổ chức thi các ý tưởng; chọn ý tưởng; phân công các GV hướng dẫn; cho HS xây dựng kế hoạch; góp ý kế hoạch; tổ chức triển khai, thực hiện; viết báo cáo; tổ chức thi trong trường; hoàn thiện các nghiên cứu dự thi... Đây là cuộc thi nhận được sự tham gia của tất cả các trường trung học trong toàn tỉnh. Tiếp đến là hình thức “*Tổ chức cho HS thực hiện các thí nghiệm/ thực nghiệm về vấn đề quan tâm trong các môn học*”. Theo đánh giá của HS THCS, đây là hình thức được tổ chức nhiều nhất và được HS hứng thú nhất (xem Bảng 3 và Bảng 4). Hình thức này thường được tổ chức trong quá trình dạy học các bộ môn như Hoá học, Vật lí, Sinh học,... Với sự đổi mới phương pháp, hình thức dạy học hiện này, hình thức NCKH này được tổ chức khá nhiều trong trường học.

Nhìn chung, các hình thức NCKH được tổ chức trong quá trình học tập các môn học tạo được hứng thú nhiều hơn HS (xem Bảng 4). Những hình thức này huy động được nhiều HS tham gia hơn là những hình thức được phát động dưới dạng các cuộc thi. Thêm vào đó, các bài tập, nhiệm vụ khá gần gũi với HS, giúp HS có thể ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn. Chính vì vậy, cần gia tăng hình thức NCKH này cho HS.

Bảng 3: Đánh giá của CBQL, GV và HS về mức độ tổ chức các hình thức NCKH được tổ chức cho HS

STT	Hình thức	CBQL, GV		HS	
		SL	%	SL	%
1	Phát động cuộc khi khoa học, kĩ thuật của HS trung học	230	92.4	686	77.9
2	Phát động cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên	150	60.2	616	69.9
3	Tổ chức cho HS thực hiện các khảo sát nhỏ về vấn đề quan tâm trong các môn học	196	78.7	689	78.2
4	Tổ chức cho HS thực hiện các thí nghiệm/ thực nghiệm về vấn đề quan tâm trong các môn học	225	90.4	754	85.6

Bảng 4: Đánh giá của HS về mức độ hứng thú với các hình thức NCKH

STT	Loại hình	ĐTB	ĐLC
1	Phát động cuộc thi khoa học, kĩ thuật dành cho HS trung học	3.46	0.75
2	Phát động cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên - nhi đồng	3.55	0.76
3	Tổ chức cho HS thực hiện các khảo sát nhỏ về vấn đề quan tâm trong các môn học	3.59	0.77
4	Tổ chức cho HS thực hiện các thí nghiệm/ thực nghiệm về vấn đề quan tâm trong các môn học	3.76	0.82

(Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$)**2.2.3. Kỹ năng nghiên cứu khoa học của học sinh**

Các đề tài, dự án NCKH của HS phụ thuộc lớn vào kỹ năng nghiên cứu của các em. Dữ liệu ở Bảng 5 cho thấy các kỹ năng NCKH của HS được đánh giá giữa mức “Trung bình” và “Khá”, trong đó nghiêng về mức “Trung bình” nhiều hơn. Điều này chứng tỏ HS còn nhiều khó khăn khi triển khai NCKH.

Kỹ năng mà HS hạn chế nhất là: “*Thiết kế nghiên cứu và lựa chọn phương pháp nghiên cứu*”. Đây là một kỹ năng rất quan trọng, quyết định sự thành công của dự án, đề tài khoa học. Tuy nhiên, trong thực tế, HS chưa được tập huấn hay học về một khóa bồi dưỡng về NCKH, mà chủ yếu là làm theo kinh nghiệm cảm tính, chủ quan. Chính vì vậy, các em gặp nhiều khó khăn khi triển khai. Một số HS chia sẻ: “*Nhiều khi em có nhiều ý tưởng hay, nhưng em lại không biết cách triển khai ý tưởng đó như thế nào. Em thường tìm đọc các đề tài, dự án có giải trong các năm để bắt chước cách làm, cách viết, nhưng lại không hiểu rõ bản chất vấn đề nên không biết đúng hay sai*”.

Ngoài ra, việc “*Đề xuất ý tưởng khoa học*”, “*Xây dựng câu hỏi nghiên cứu/Vấn đề nghiên cứu*”, “*Thu thập, phân tích và giải thích dữ liệu (dự án khoa học)/Xây dựng và kiểm tra (dự án kĩ thuật)*”, “*Viết báo cáo khoa học*”,

“*Trình bày sản phẩm nghiên cứu*”, HS đều gặp khó khăn. Thực trạng này đòi hỏi cần thiết tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kỹ năng NCKH cho HS THCS.

2.2.4. Kết quả nghiên cứu khoa học của học sinh trung học cơ sở

Theo thống kê của Sở GD&ĐT tỉnh Tây Ninh, trong 5 năm qua, phòng GD&ĐT thành phố có số lượng dự án tham gia cuộc thi cuộc thi khoa học, kĩ thuật dành cho HS trung học cấp tỉnh là 45, trong đó đạt giải lĩnh vực là 40, giải toàn cuộc là 10. Số lượng dự án tham gia dự thi cấp quốc gia là 6, đạt giải lĩnh vực cấp quốc gia là 3. Các đề tài ở các trường THCS thành phố Tây Ninh chủ yếu là lĩnh vực: Kỹ thuật cơ khí (18 dự án), khoa học động vật (5 dự án), khoa học vật liệu (4 dự án), kĩ thuật môi trường (4 dự án), có những lĩnh vực chưa từng có dự án nghiên cứu như: Toán học, phần mềm hệ thống, hóa học, năng lượng hóa học, vật lí và thiên văn, vi sinh, khoa học Trái đất và môi trường, sinh học tế bào và phân tử. Các lĩnh vực HS chọn thường gắn liền với đời sống thực tiễn xung quanh các em như: “*Mô hình nuôi ốc núi trong môi trường nhân tạo*”, “*Xe đẩy thu gom mùn sao su có động cơ tiết kiệm công sức, tiết kiệm thời gian*”, “*Phòng trừ rệp sáp phấn trên măng cầu bằng tinh chất dầu gió ở vùng đất núi Bà Đen Tây Ninh*”,...

Mặc dù số lượng HS THCS tham gia NCKH ngày càng đông, song nhìn chung, thành tích NCKH của HS THCS thành phố Tây Ninh chưa thật sự cao và đồng đều ở các trường; chưa xứng tầm với quy mô phát triển giáo dục THCS của thành phố. Đề có cơ sở đề xuất các biện pháp thiết thực, nghiên cứu cũng đã tìm hiểu các nguyên nhân dẫn đến những hạn chế đó. Kết quả khảo sát được thể hiện ở Bảng 6.

Nguyên nhân thứ nhất dẫn đến những hạn chế đã nêu trên là do “*Nhà trường chưa tạo được động lực cho GV hướng dẫn và HS tham gia NCKH*”. Chế độ ưu tiên, khuyến khích của ngành đối với cấp THPT rất xứng đáng, tuy nhiên chưa thật sự tương xứng với công sức và thời gian đầu tư của HS cấp THCS. Với các dự án đạt giải cấp quốc gia, Sở GD&ĐT Tây Ninh có chế độ khuyến

Bảng 5: Đánh giá của HS về kỹ năng NCKH

STT	Kỹ năng	ĐTB	ĐLC
1	Đề xuất ý tưởng khoa học.	2.28	0.70
2	Xây dựng câu hỏi nghiên cứu/ Vấn đề nghiên cứu.	2.31	0.76
3	Thiết kế nghiên cứu và lựa chọn phương pháp nghiên cứu.	2.20	0.78
4	Thu thập, phân tích và giải thích dữ liệu (dự án khoa học)/ Xây dựng và kiểm tra (dự án kĩ thuật).	2.30	0.74
5	Viết báo cáo khoa học.	2.24	0.81
6	Trình bày sản phẩm nghiên cứu.	2.45	1.28

(Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$)

Bảng 6: Đánh giá của CBQL, GV về nguyên nhân dẫn đến hoạt động NCKH của HS chưa đạt hiệu quả cao

STT	Nguyên nhân	ĐTB	ĐLC
1	Nhận thức của cán bộ, GV, cha mẹ HS, HS và các lực lượng xã hội về hoạt động NCKH chưa cao.	3.45	1.05
2	Năng lực hướng dẫn của đội ngũ GV còn hạn chế.	3.26	1.14
3	Năng lực NCKH của HS còn hạn chế.	3.57	1.08
4	Việc triển khai còn mang tính phong trào, kế hoạch hành động chưa cụ thể, thiết thực.	3.26	1.13
5	Thời gian triển khai nghiên cứu còn hạn chế.	3.51	1.10
6	Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm phục vụ cho hoạt động NCKH, kĩ thuật của HS trong nhà trường còn thiếu thốn, chưa đồng bộ.	3.62	1.15
7	Nhà trường chưa tạo được động lực cho GV hướng dẫn và HS tham gia NCKH.	2.76	1.28
8	Sự phối kết hợp giữa nhà trường với các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học còn hạn chế.	3.49	1.20

(Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$)

khích cũng khác nhau theo từng năm học. Đối với năm học 2016 - 2017, HS được tuyển thẳng vào trường có thi tuyển ở tốp hai sau Trường THPT Chuyên Hoàng Lê Kha (THPT Tây Ninh, THPT Lí Thường Kiệt,..). Các năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, HS chỉ được tuyển thẳng vào các trường không thi tuyển (thường những HS học lực khá 4 năm là đã được xét tuyển vào các trường này), do đó ngoài việc thi tuyển vào Trường THPT Chuyên Hoàng Lê Kha, các em vẫn phải thi vào các trường ở tốp hai, điều này cũng xem như các em HS cũng không được hưởng ưu tiên gì. Đến năm học 2019 - 2020, đạt giải cấp quốc gia cộng 1,0 điểm vào kết quả thi tuyển 10 THPT đối với các trường thi tuyển (trừ Trường THPT Chuyên Hoàng Lê Kha). Điều này cũng làm cho đa số phụ huynh có tâm lí không muốn cho con em mình tham gia hoạt động NCKH vì để thực hiện một dự án khoa học đạt giải cấp quốc gia, ngoài có ý tưởng mới, sáng tạo còn cần phải đầu tư thời gian, công sức và cả trí tuệ trong một thời gian rất dài (gần như xuyên suốt năm học), với thời gian đó HS cố gắng học tập có thể dễ dàng nâng kết quả thi lên 1,0 điểm.

Nguyên nhân thứ hai là “*Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm phục vụ cho hoạt động NCKH, kĩ thuật của HS trong nhà trường còn thiếu thốn, chưa đồng bộ*”. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm ở các trường THCS thành phố Tây Ninh cơ bản được trang bị đảm bảo cho việc giảng dạy theo hướng đổi mới phương pháp, tuy nhiên, các thí nghiệm thực hành ở cấp THCS còn ở mức thô sơ, đơn giản. Do đó, các trang thiết bị trong các phòng thí nghiệm chỉ là các máy móc đo lường ở mức độ khá đơn giản, không đủ khả năng để đo lường, khảo sát, phân tích các mẫu hay thực hiện các thí nghiệm quy mô đáp ứng được các dự án khoa học.

Nguyên nhân tiếp theo là “*Năng lực NCKH của HS còn hạn chế*”. Kết quả khảo sát ở phần 2.2.3 cũng đã chỉ

ra các kĩ năng NCKH của HS THCS chỉ ở mức trung bình, cần được cải thiện. Thêm vào đó, “*Thời gian triển khai nghiên cứu*”, “*Năng lực hướng dẫn của đội ngũ GV*”, “*Sự phối kết hợp giữa nhà trường với các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học*” còn hạn chế, “*Nhận thức của cán bộ, GV, cha mẹ HS, HS và các lực lượng xã hội về hoạt động NCKH chưa cao*”.

3. Kết luận

NCKH của HS là hoạt động quan trọng trong trường THCS. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn CBQL, GV các trường THCS thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã nhận thức được vai trò của hoạt động này, tuy nhiên vẫn còn không ít HS chưa nhận thức đầy đủ về các ý nghĩa của hoạt động NCKH. Hình thức NCKH được đánh giá tổ chức nhiều là “*Phát động cuộc thi Khoa học, kĩ thuật của HS trung học*” và “*Tổ chức cho HS thực hiện các thí nghiệm/ thực nghiệm về vấn đề quan tâm trong các môn học*”. Hình thức NCKH thu hút được hứng thú của HS nhiều nhất là “*Tổ chức cho HS thực hiện các thí nghiệm/ thực nghiệm về vấn đề quan tâm trong các môn học*”. Kết quả NCKH của HS THCS dù đã đạt được những thành tích nhất định, song thật sự chưa cao, số lượng các đề tài đang còn ít, chưa xứng tầm với quy mô phát triển giáo dục THCS của thành phố. Nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế trong hoạt động NCKH của HS THCS là: “*Nhà trường chưa tạo được động lực cho GV hướng dẫn và HS tham gia NCKH*”, “*Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm phục vụ cho hoạt động NCKH, kĩ thuật của HS trong nhà trường còn thiếu thốn, chưa đồng bộ*”, “*Năng lực NCKH của HS còn hạn chế*”. Thực trạng này là cơ sở để các trường THCS thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác NCKH của HS.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Cao Đàm, (2014), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Trần Văn Đạt - Võ Văn Thắng, (2016), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Xuân Tý, (2018), *Thực trạng công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của học sinh ở các trường trung học phổ thông huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế*, Kỉ yếu Hội nghị Khoa học trẻ 2018, tr.143-148, NXB Đại học Huế.
- [4] Đinh Thị Hồng Vân, (2017), Bài giảng *Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học - kỹ thuật trong trường trung học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (02/11/2012), *Quy chế thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông*, Thông tư số 38/2012/TT-BGDĐT, Hà Nội.
- [6] Liên hiệp Các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, (09/12/2019), *Thế hệ Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng toàn quốc lần thứ 16, năm 2019 - 2020*, Quyết định số 1266/QĐ-LHHVN, Hà Nội.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (23/7/2013), *Tổ chức cuộc thi Vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn và cuộc thi Dạy học theo chủ đề tích hợp*, công văn số 5111/BGDĐT-GDTrH, Hà Nội.

THE CURRENT STATUS OF SCIENTIFIC RESEARCH OF STUDENTS AT LOWER SECONDARY SCHOOLS IN TAY NINH CITY

Le Thi Huong

Nguyen Van Troi Lower Secondary School
No.30, Tan Trung hamlet, Tan Binh commune,
Tay Ninh city, Tay Ninh province, Vietnam
Email: lehuong5475@gmail.com

ABSTRACT: *Students' scientific research is an important activity in lower secondary schools. The study aims to assess the current status of scientific research of students in lower secondary schools in Tay Ninh city. The sample of the study comprises 253 administrators, teachers, and 906 students at lower secondary level. The research results show that most administrators and teachers have been aware of the role of this activity; however, many students are still not fully aware of its significance. The forms of scientific research that were widely organized were "Launching Science and Technology Contest for high school students" and "Organizing for students to perform experiments on issues of interest in the subjects", in which the form attracted the most interest of students was "Organizing students to conduct experiments on issues of interest in subjects". The results also show that students has obtained certain achievements in their scientific research, but there are some problems to be improved to match the development scale of secondary education in Tay Ninh city. The main reasons for these limitations were that the schools have not created motivations for instructors and students to participate in scientific research; Conditions of facilities, teaching equipment, and laboratories to serve the scientific and technical research activities of students in the school are inadequate and asynchronous; as well as students' scientific research competence is still limited. The situation assessment is considered as a basis for the lower secondary schools in Tay Ninh city to propose measures to improve the efficiency of scientific research of students.*

KEYWORDS: Lower secondary students; scientific research; Tay Ninh city.